

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2022

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994 - có mặt

Địa chỉ: Thôn 06, xã Nam D, huyện C, tỉnh Đ

- Bị đơn: Anh Cao Văn D, sinh năm 1988 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 06, xã Nam D, huyện C, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Cao Văn D tự nguyện đến với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyền số 01/2011 ngày 02/8/2012.

Vợ chồng chung sống khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng không đáng kể, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình

không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược, mâu thuẫn về kinh tế và cách nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Cao Trần Minh T, sinh ngày 13/6/2012 và Cao Trần Phương D, sinh ngày 28/3/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Cao Văn D vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Cao Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Cao Văn D. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 13/6/2022 chị Trần Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh Cao Văn D do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Cao Văn D có nơi cư trú tại Thôn 06, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn Cao Văn D vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyền số 01/2011 ngày 02/8/2012 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì anh Cao Văn D và chị Trần Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa chị T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược, mâu thuẫn về kinh tế và cách nuôi dạy con cái. Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện anh D không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác theo Biên bản xác minh tại thôn 06, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông người đại diện của địa phương cung cấp thông tin: “Chị Trần Thị T và anh Cao Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 06, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn, hai người hiện đang sống ly thân từ năm 2020 đến nay” (BL 30). Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị Thương không còn tình cảm đối với anh D, hai người đã sống ly thân được khoảng 02 năm. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh D và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh D và chị T có 02 con chung là Cao Trần Minh T, sinh ngày 13/6/2012 và Cao Trần Phương D, sinh ngày 28/3/2014. Khi ly hôn chị Thương yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai của các cháu Cao Trần Minh T và Cao Trần Phương D đều có nguyện vọng được ở với mẹ (BL 23, 24). Nhận thấy hai trẻ T và D hiện đang còn nhỏ và đều là con gái để tạo điều kiện của sự phát triển của hai trẻ nên giao cho

chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với Cao Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyển số 01/2011 ngày 02/8/2012 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Cao Trần Minh T, sinh ngày 13/6/2012 và Cao Trần Phương D, sinh ngày 28/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D do chị T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Anh D có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do chị Trần Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003866 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Chị Thương đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- UBND xã Nam Dong;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

